

BÀI 5 それは私(わたし)の宝物(たからもの)です
SORE WA WATASHI NO TAKARAMONO DESU

アンナ Anna	私(わたし)の部屋(へや)はこちらです。どうぞ。 WATASHI NO HEYA WA KOCHIRA DESU. DÔZO.	Phòng tôi ở hướng này. Xin mời chị vào.
さくら Sakura	すごい！これは全部(ぜんぶ)マンガ？ SUGOI! KORE WA ZENBU MANGA?	Tuyệt quá! Những cái này tất cả là truyện tranh à?
アンナ Anna	それは私(わたし)の宝物(たからもの)です。 私(わたし)は毎日(まいにち)マンガを読(よ)みます。 SORE WA WATASHI NO TAKARAMONO DESU. WATASHI WA MAINICHI MANGA O YOMIMASU.	Những cái đó là báu vật của tôi. Tôi đọc truyện tranh hàng ngày.



Mẫu ngữ pháp

① Động từ thể MASU

☞ Động từ : Xem trang 54, 55

◈ Các động từ kết thúc bằng MASU được gọi là "động từ thể MASU".
Thể này được dùng khi nói một cách lịch sự.

◈ Để biến thành thể phủ định, đổi MASU thành MASEN.

Ví dụ: YOMI<u>MASU</u> (đọc) ⇒ YOMI<u>MASEN</u> (không đọc)

② [Chủ ngữ] WA + [bổ ngữ] O + động từ

◈ Thông thường, trật tự một câu tiếng Nhật là: Chủ ngữ, Bổ ngữ và Động từ.
Ví dụ: WATASHI WA MANGA O YOMIMASU. (Tôi đọc truyện tranh.)

◈ O là trợ từ đứng sau từ chỉ đối tượng của hành động.



Từ tượng thanh và tượng hình



Tiếng giở trang sách liên tục



Từ miêu tả việc bình tĩnh, dành thời gian làm việc gì đó